TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số 26/2022/HNGĐ-ST Ngày 17/01/2022 *V/v "Ly hôn, con chung"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Thoại;

Bà Nguyễn Thị Dung;

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Huyền Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 319/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa ra xét xử số 107/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Chị Giáp Thị N, sinh năm 1988;

ĐKHKTT: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh B .

Đăng ký tạm trú: Tổ dân phố C, xã Y, huyện G, thành phố H.

Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn:

Anh Lê Bá B, sinh năm 1985;

ĐKHKTT: Xóm X, xã T, huyện T, tỉnh T.

Đăng ký tạm trú: Tổ dân phố C, xã Y, huyện G, thành phố H.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị N và anh Lê Bá B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh T ngày 25/9/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị thuê nhà và sống tại Tổ dân phố C, xã Y, huyện G, thành phố Hcho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B thường xuyên đi làm về rất khuya, ít khi về ăn cơm với mẹ con chị, thậm trí thường xuyên đi qua đêm, không quan tâm, chăm sóc cho gia đình. Vợ chồng thường cãi nhau, xô xát, thỉnh thoảng anh B mới đưa tiền cho chị để chị nuôi con, nhưng số tiền rất ít ỏi. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ đầu năm 2021, đến tháng 07/2021 thì anh chị sống ly thân mặc dù vẫn ở chung nhà. Vợ chồng cắt đứt quan hệ sinh lý từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình đều biết việc mâu thuẫn của vợ chồng chị đã nhiều năm nay, đã động viên hòa giải nhưng mối quan hệ vợ chồng vẫn không cải thiện, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Lê Bá B không còn, chị xin Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm được ly hôn với anh Lê Bá B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là cháu Lê Bá Tuấn Anh, sinh ngày 08/10/2013. Hiện nay cháu Tuấn Anh đang sống cùng chị tại Tổ dân phố C, xã Y. Anh B thường đi suốt ngày đêm, ít khi về nhà, nên rất ít khi quan tâm, chăm sóc đến con. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Bá Tuấn Anh. Chị yêu cầu anh B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/mỗi tháng kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn đến khi cháu Tuấn Anh trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hiện nay thu nhập của chị mỗi tháng là 10 triệu – 12 triệu, chị đang làm nhân viên của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bình Thành có địa chỉ tại khu công nghiệp VISIP, huyện Thuận Thành, tỉnh B Ninh, thời gian làm việc là giờ hành chính. Do vậy chị tự thấy mình có đầy đủ điều kiện về thời gian và tài chính để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị N không còn yêu cầu gì khác.

****Bị đơn là anh Lê Bá B vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên anh B có lời khai có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh B xác nhận anh và chị Giáp Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh T ngày 25/9/2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh B thuê nhà và sống tại Tổ dân phố C, xã Y, huyện G, thành phố Hcho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị N là xuất phát từ anh B, do tính chất công việc của anh B nên anh B thường phải đi làm từ sớm và về muộn, ít quan tâm được đến vợ con. Nhiều khi anh B đã cố gắng để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng vợ chồng anh B khắc khẩu nhau, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, cũng do anh B và chị N văn hóa vùng miền khác nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, cách sống không hợp nhau. Trong nhiều năm trở lại đây, anh B cũng đã cố gắng để vợ chồng hòa hợp hơn, nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và tiếng nói chung của 2 bên đều không có, khoảng cách về tình cảm giữa hai vợ chồng càng xa nhau. Dẫn đến việc vợ chồng không chia sẻ, không nói chuyện được với nhau từ 02 năm nay. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng vào năm 2021, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xô xát, anh B thừa nhận trong lúc nóng giận không kiềm chế được bản thân anh B có đánh chị N, và anh B rất ân hận về hành động của mình. Đến nay anh B và chị N vẫn sống chung tại khu tập thể Cơ Khí, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm và thỉnh thoảng vợ chồng vẫn quan hệ sinh lý với nhau. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị N yêu cầu xin ly hôn, anh B không đồng ý ly hôn. Anh muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy và chăm sóc cho con.

Về con chung*:* Anh B và chị N có 01 con chung là cháu Lê Bá Tuấn Anh, sinh ngày 08/10/2013. Hiện nay cháu Tuấn Anh đang sống cùng vợ chồng B tại Tổ dân phố C, xã Y, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Trường hợp vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của anh B là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Bá Tuấn Anh. Anh B không yêu cầu chị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị N là người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con cháu Tuấn Anh, anh B tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Hiện nay anh B đang làm quản đốc tại Cửa hàng sửa chữa xe máy 24/7 ở số 682 Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội, thu nhập bình quân mỗi tháng của anh B khoảng 14.000.000 đồng/ mỗi tháng, đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con.

Về tài sản chung: Anh B và chị N tự thỏa thuận, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Lê Bá B không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

**** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:***

- Về thẩm quyền: Toà án nhân dân huyện Gia Lâm đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định.

- Thẩm phán lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên toà đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không đến Tòa theo triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên tòa nên không chấp hành đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N đối với anh B.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung vợ chồng là cháu Lê Bá Tuấn Anh- sinh ngày 08/10/2013 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Bá B phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung vợ chồng: Do chị N, anh B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

+ Về án phí: Vụ án được thụ lý ngày 13/10/2021, nên về án phí cần áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn cư trú tại xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn là chị Giáp Thị N chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Lê Bá B quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Lê Bá B đến tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do, chỉ có mặt 01 lần tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/11/2021. Tại phiên tòa, cả hai lần anh B cũng đều vắng mặt. Như vậy, anh B không chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh B vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ 2, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Giáp Thị N, sinh năm 1988 và anh Lê Bá B, sinh năm 1985 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh T ngày 25/9/2012. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị N và anh B là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Qua trình bày của chị N và anh B cũng như qua trao đổi với chính quyền địa phương cùng xác định vợ chồng chị N và anh B chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là xuất phát chủ yếu từ phía anh B, do anh B thường xuyên phải đi làm từ sớm và về muộn, ít quan tâm được đến vợ con. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, cả chị N và anh B đều đã cố gắng để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng do vợ chồng vẫn khắc khẩu nhau, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, cách sống không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và tiếng nói chung của 2 bên đều không có, khoảng cách về tình cảm giữa hai vợ chồng càng xa nhau dẫn đến việc vợ chồng không chia sẻ, không nói chuyện được với nhau từ 02 năm nay. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ đầu năm 2021, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xô xát. Chị N xác định vợ chồng đã cắt đứt quan hệ sinh lý từ tháng 07/2021 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*:

Xét điều kiện nuôi con: Hiện nay, chị N đang làm nhân viên tại Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại Bình Thành tại khu công nghiệp VISIP – Thuận Thành – B Ninh. Thu nhập của chị N từ 10 triệu – 12 triệu/ tháng. Chị N có giao nộp cho Tòa án bảng lương tháng 7, tháng 9 và tháng 10 năm 2021 có dấu xác nhận của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Bình Thành. Anh Lê Bá B trình bày anh đang làm quản đốc tại Cửa hàng sửa chữa xe máy 24/7 ở số 682 Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội, thu nhập bình quân mỗi tháng của anh B khoảng 14.000.000 đồng/ mỗi tháng nhưng anh B không xuất trình cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào.

Xét thấy hiện nay chị N đang nuôi dưỡng cháu Tuấn Anh ổn định, đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên. Mặt khác, cháu Tuấn Anh còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ để cháu phát triển tâm, sinh lý nên giao cháu Tuấn Anh cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/1 tháng, anh B có lời khai trình bà đồng ý tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 tháng kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N và ghi nhận sự tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của anh B là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng*: Chị N và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28,35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Giáp Thị N. Chị Giáp Thị N được ly hôn với anh Lê Bá B.

2. Về con chung:

- Giao cháu Lê Bá Tuấn Anh, sinh ngày 08/10/2013 cho chị Giáp Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn đến khi cháu Tuấn Anh trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Bá B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Giáp Thị N là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng kể từ tháng 01 năm 2022 đến khi cháu Tuấn Anh trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị N và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Giáp Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0072806 ngày 12/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm nay còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Giáp Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Bá B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Công an huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- UBND xã/thị trấn nơi đăng ký kết hôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Ngân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA